



THỰC ĐƠN BÁN TRÚ NĂM HỌC 2025 - 2026

Từ ngày 15/09/2025 đến ngày 19/09/2026

Tuần 3 tháng 9 năm học 2025-2026

Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 2/15-09	1	Thịt kho tàu	Thịt lợn mông vai	67	120,000	8,040	Chất đốt	1,000	
	2	Trứng cuộn	Trứng vịt	40	60,000	2,400	Nhân công	2,000	
	3	Canh mồng toi nấu tép	Mồng toi	35	18,000	630	Thuế	1,482	
			Tép	6	160,000	960	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	5.95	35,000	208			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 3/ 16-09	1	Thịt gà xé rim	Gà CN bỏ cđcc	80	85,000	6,800	Chất đốt	1,000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	55	32,000	1,760	Nhân công	2,000	
			Cà chua	18	20,000	360	Thuế	1,482	
	3	Canh bí xanh nấu gà	Bí xanh	60	18,000	1,080	Khấu hao	300	
			Gà	25	85,000	2,125			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	3.24	35,000	113			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
	1	Giò lợn	Giò lợn	60	140,000	8,400	Chất đốt	1,000	
	2	Bắp cải cà rốt xào thịt băm	Bắp cải cà rốt	40	18,000	720	Nhân công	2,000	
			Thịt lợn mông vai	7	120,000	840	Thuế	1,482	
	3	Canh bí đỏ nấu xương	Bí đỏ	55	17,000	935	Khấu hao	300	

Thứ 4/17-09	3	Canh cải thảo nấu xương	thịt lợn móng vai	10	120,000	1,200			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	4.08	35,000	143			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 5/18-09	1	Cá rô phi lọc chiên	Cá rô phi phi lê	70	120,000	8,400	Chất đốt	1,000	
	2	Đậu xốt cà chua	Đậu phụ	50	32,000	1,600	Nhân công	2,000	
			Cà chua	10	20,000	200	Thuế	1,482	
	3	Canh cải thảo nấu thịt	Cải thảo	35	18,000	630	Khấu hao	300	
			Thịt lợn móng vai	10	120,000	1,200			
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	5.95	35,000	208			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000
Thứ/ngày	STT	Món ăn	Diễn giải	Định lượng(gr)	Đơn giá	Thành Tiền	Chi phí phụ		TỔNG
Thứ 6/19-09	1	Thịt băm rang	Thịt lợn móng vai	65	120,000	7,800	Chất đốt	1,000	
	2	Xúc xích chiên	Xúc xích CP	30	90,000	2,700	Nhân công	2,000	
	3	Canh khoai tây nấu xương	Khoai tây	52	18,000	936	Thuế	1,482	
			Xương lợn	8	85,000	680	Khấu hao	300	
	4	Cơm trắng	Gạo tẻ	110	18,000	1,980			
	5		Rau thơm	3.48	35,000	122			
	6		Gia vị các loại	10	100,000	1,000			
		Tổng				15,218		4,782	20,000

Hiệu trưởng Duyệt



Bùi Quý Hữu

Tổng tiền	100,001
5 ngày	5
thành tiền 1 suất	20,000



Người Lập Thực Đơn

Nguyễn Thị Hải Yến